

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/DS-PT

Ngày 30 tháng 9 năm 2021

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2021/TLPT-DS ngày 15/6/2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DSST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐ-PT ngày 30/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **A**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **A1**, (tên gọi khác A2) sinh năm 1987; địa chỉ: Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà A3, Luật sư Công ty Luật Hợp danh A3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **B**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông B1, Luật sư Văn Phòng Luật sư B2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **C**, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

+ Bà **D**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

+ Chị **A1**, (tên gọi khác A2) sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

+ **Ngân hàng E**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông E1, chức vụ - Phó Giám đốc Ngân hàng E, Chi nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

+ **Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu**

Địa chỉ: Thị trấn Q, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông G, chức vụ Chủ tịch (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2012 và các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh A trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha anh là ông T1 (chết ngày 18/7/2008) và bà C. Vào khoảng năm 2000 khi cha mẹ anh ly hôn, giải quyết chia cho mẹ bà C phần đất, có diện tích đất tranh chấp này và là đất giáp ranh với phần đất của ông B là chú ruột, (lúc này có cặm trụ đá phân chia ranh đất là giữa bờ vuông nuôi tôm) và mẹ anh sử dụng đất đến năm 2010 thì cho anh diện tích đất trên, 8.929,2m² trong đó có 149,8m² đất thổ cư và 8.779,4m² đất nuôi trồng thủy sản. Đến ngày 01/02/2010 anh A được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 8.929,2m² tại thửa số 444 và 494 tờ bản đồ số 04. Vào khoảng tháng 5/2012 ông B không cho anh sử dụng đường bờ trên và cho rằng toàn bộ đường bờ vuông thuộc quyền sử dụng của ông B, không cho sên vét bùn lên đường bờ. Đồng thời, ông B cũng muốn xáng cuốc đất đổ lên đường bờ của anh A, nên anh ngăn cản, xảy ra tranh chấp. Nay anh A yêu cầu ông B phải trả lại diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế gồm 02 phần: Phần thứ nhất diện tích ngang 1,4m x dài 48,8m = 64,2m², phần thứ hai diện tích ngang 2,4m x dài 253m = 515,7m², (là ½ đường bờ vuông nuôi tôm).

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn ông B trình bày: Đất của ông B đang sử dụng có nguồn gốc là của cha ông tên H1 (chết năm 1981) để lại cho mẹ ông tên bà H2 (chết năm 2009). Sau khi mẹ ông chết thì ông tiếp tục quản lý sử dụng và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất của ông B và đất anh A hiện tại giáp ranh với nhau. Diện tích đất đường bờ vuông mà anh A yêu cầu là trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, cơ quan chuyên môn xác định anh A được cấp quyền sử dụng là không đúng. Đất của anh A cũng có nguồn gốc là đất của ông H1 để lại cho con T1 (cha anh A) từ khoảng năm 1994. Ông T1 và vợ là bà C sử dụng được một thời gian thì đến khoảng năm 2000 ông T1 ly hôn với bà C. Giữa đất của ông và đất của ông T1 trước đây có một đường bờ và con kênh riêng của ông. Sau đó ông T1 đã lấn chiếm phần đất mương của ông rất nhiều lần, nay thì lấn đến phần cái bờ. Đất đường bờ tranh chấp là của ông, cho bà C sử dụng chứ không phải là đường bờ ranh; năm 2001 chia đất cho bà C, có cặm trụ đá ông có chứng kiến, nhưng không đồng ý; khi anh A sên vuông đổ đất lên đường bờ hàng năm là có qua hỏi ông. Nay anh A khởi kiện yêu cầu ông trả lại diện tích đất gồm 02 phần: Phần thứ nhất diện tích ngang 1,4m x dài 48,8m = 64,2m², phần thứ hai diện tích ngang 2,4m x dài 253m = 515,7m² (là ½ đất bờ vuông nuôi tôm), thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C trình bày: Đất của anh A và ông B đang tranh chấp có nguồn gốc là đất của ông H1 và bà H2 cho vợ chồng ông bà. Đến khoảng năm 2000 thì bà và ông T1 ly hôn, đã chia cho bà và ông T1 mỗi người một phần đất. Đất của bà được chia giáp ranh với đất của ông B. Giữa đất bà và đất ông B có một đường bờ và một con mương để làm ranh, đồng thời khi chia đất cho bà có cắm các trụ đá để làm ranh giữa đất bà và đất ông B, hiện tại thì các trụ đá này vẫn còn. Năm 2010 thì bà cho đất con là anh A sử dụng đến nay; yêu cầu Tòa án giải quyết trả đất cho anh A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị A1 trình bày: Thống nhất như anh A trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D trình bày: Thống nhất như ông B trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng E trình bày: Ngày 13/01/2020, con ông B là B1 vay 200.000.000 đồng tại Ngân hàng E - Chi nhánh huyện P; để đảm bảo cho khoản vay, ông B và anh B1 thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 281372 tại thửa 526, tờ bản đồ số 4 tên B1 và thửa số 183, tờ bản đồ số 19 tên ông B. Nay Ngân hàng yêu cầu duy trì hợp đồng, vì tài sản đảm bảo cho khoản vay trên không liên quan đến đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu xác định: Tại Công văn số 214 ngày 01/02/2014, Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu xác định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh A là đúng theo quy định. Do trước đây bản án phúc thẩm đã tuyên: Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P điều chỉnh giảm phần đất diện tích 579,9m² tại thửa số 494 tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh A đứng tên ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh A; Ủy ban nhân dân huyện P đã thu hồi diện tích trên và cấp cho ông B năm 2015, là diện tích 64,2m² tại thửa số 519, tờ bản đồ số 04 và diện tích 515,7m² thửa số 522, tờ bản đồ số 04, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2014/DS-ST ngày 16 tháng 05 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A đối với ông B. Buộc ông B phải có nghĩa vụ trả lại cho anh A diện tích đất 579,9m² tại thửa số 494 tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh A đứng tên, đất tọa lạc tại Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu gồm:

Phần thứ nhất:

- Hướng Đông giáp lộ đất có cạnh dài 1,4m
- Hướng Tây giáp kênh Cái Su cạnh dài 1,4m.
- Hướng Nam giáp đất ông B có cạnh dài 19,8m+ 29m.
- Hướng Tây giáp đất anh A có cạnh dài 19,8m+29m.

+ Phần thứ hai:

- Hướng Đông giáp đất anh A có cạnh dài 2,4m

- Hướng Tây giáp lộ đất có cạnh dài 1,4m.
- Hướng Nam giáp đất ông B có cạnh dài 253m.
- Hướng Bắc giáp đất anh A có cạnh dài 253m.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, áp dụng lãi xuất, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Tại Bản án phúc thẩm số 39/2014/DSPT ngày 25/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2014/DS-ST ngày 16/05/2014 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A đòi ông B giao trả phần đất diện tích 579,9m² tại thửa số 494 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh A đứng tên, phần đất có vị trí cụ thể như sau:

- + Phần thứ nhất: diện tích 64,2m²
 - Hướng Đông giáp lộ đất có cạnh dài 1,4m
 - Hướng Tây giáp kênh Cái Su cạnh dài 1,4m.
 - Hướng Nam giáp đất ông B có cạnh dài 19,8m+ 29m.
 - Hướng Tây giáp đất anh A có cạnh dài 19,8m+29m.
- + Phần thứ hai: diện tích 515,7m²
 - Hướng Đông giáp đất anh A có cạnh dài 2,4m.
 - Hướng Tây giáp lộ đất có cạnh dài 2,4m.
 - Hướng Nam giáp đất ông B có cạnh dài 253m.
 - Hướng Bắc giáp đất anh A có cạnh dài 253m.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu điều chỉnh giảm phần đất diện tích 579,9m² tại thửa số 494 tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh A đứng tên ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh A.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, áp dụng lãi xuất, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 236/2018/QĐGĐT ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Hủy Bản án sơ thẩm số 11/2014/DS-ST ngày 16/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu và Bản án phúc thẩm số: 39/2014/DSPT ngày 25/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 06/5/2021 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 23/2021/QĐ-SCBSBA của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A đối với ông B, yêu cầu ông B giao trả phần đất diện tích $64,2\text{m}^2$ tại thửa số 519, tờ bản đồ số 04 diện tích $515,7\text{m}^2$ thửa số 522, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông A năm 2015. Buộc ông B giao trả cho anh A phần đất diện tích $64,2\text{m}^2$ tại thửa số 519, tờ bản đồ số 04 và diện tích $515,7\text{m}^2$ thửa số 522, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông A năm 2015, tọa lạc tại ấp Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí cụ thể sau:

* Phần thứ nhất: Diện tích $64,2\text{m}^2$, có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp lộ đất có cạnh dài 1,4m
- Hướng Tây giáp kênh Cái Su cạnh dài 1,4m.
- Hướng Nam giáp đất ông B có cạnh dài 19,8m+ 29m
- Hướng Bắc giáp đất anh A có cạnh dài 19,8m+29m.

* Phần thứ hai: Diện tích $515,7\text{m}^2$

- Hướng Đông giáp đất anh A có cạnh dài 2,4m.
- Hướng Tây giáp lộ đất có cạnh dài 2,4m.
- Hướng Nam giáp đất ông B có cạnh dài 253m.
- Hướng Bắc giáp đất anh A có cạnh dài 253m.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu điều chỉnh phần biến động diện tích $64,2\text{m}^2$ tại thửa số 519, tờ bản đồ số 04 diện tích $515,7\text{m}^2$ thửa số 522, tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông A năm 2015, tọa lạc tại Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Anh A có quyền đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, áp dụng lãi xuất, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 18/5/2021 bị đơn ông B kháng cáo không đồng ý trả đất; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông B giữ nguyên kháng cáo, cho rằng đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông, có nhân chứng là lời khai của I, I2 và I3 thừa nhận.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông B trình bày cho rằng: Đất của ông B đang sử dụng có nguồn gốc là của cha mẹ ông là ông H1 và bà H2 để lại cho ông B. Trước đây giữa đất của ông B và đất của anh A có một đường bờ và con kênh riêng của ông B, vấn đề này được các bên xác nhận và hiện nay con kênh đã bị lấp hiện trạng không còn như cũ. Con kênh đã xác định không phải là kênh công cộng, mà do cha ông B đào để xỏ phèn. Như vậy kênh này ông B đã lấp vào năm 2007, khi lấp không có tranh chấp. Anh A thừa nhận kênh là của ông B, bà C thừa nhận kê khai quyền sử dụng đất đã kê khai luôn con kênh, nên đủ cơ sở đất đường bờ là con kênh cũ trước đây và là đất của ông B. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh A trình bày cho rằng: Các nhân chứng ông B nêu ông I, I2, I3 cũng chỉ khai trên cơ sở hiện trạng đất có con kênh cũ, nhưng thực tế hiện nay là tranh chấp đất bờ vuông, có trụ đá làm ranh giới đất hai bên rõ ràng. Cơ quan chuyên môn xác định đất tranh chấp anh A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc hiện nay hai phần đất tranh chấp diện tích 64,2m² tại thửa số 519, tờ bản đồ số 04 và diện tích 515,7m² thửa số 522, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông A năm 2015, là do trước đây bản án phúc thẩm đã tuyên điều chỉnh giảm phần đất diện tích 579,9m² tại thửa số 494 tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh A đứng tên ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh A và Ủy ban nhân dân huyện P đã thu hồi diện tích trên cấp cho ông B, nhưng bản án này đã bị hủy. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của ông Huệ B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án Tòa án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Xét thấy anh em của ông B xác định đất của ông T1 có là 19 công tầm cây, nay được cấp nhiều hơn là do trước đây không đo đất thực tế. Đất tranh chấp nguồn gốc là của ông H1, ông B được ông H1 cho đất nên là đất của ông B; ông B cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa toàn bộ án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng E, Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Diện tích đất tranh chấp theo biên bản đo đạc ngày 28/8/2013 và trích đo địa chính của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P lập ngày 4/9/2013 thể hiện gồm hai phần:

- * Phần thứ nhất: Diện tích 64,2m², có vị trí như sau:
 - Hướng Đông giáp lộ đất có cạnh dài 1,4m
 - Hướng Tây giáp kênh Cái Su cạnh dài 1,4m.
 - Hướng Nam giáp đất ông B có cạnh dài 19,8m+ 29m
 - Hướng Bắc giáp đất anh A có cạnh dài 19,8m+29m.
- * Phần thứ hai: Diện tích 515,7m²
 - Hướng Đông giáp đất anh A có cạnh dài 2,4m.
 - Hướng Tây giáp lộ đất có cạnh dài 2,4m.
 - Hướng Nam giáp đất ông B có cạnh dài 253m.

- Hướng Bắc giáp đất anh A có cạnh dài 253m.

Hiện trạng là $\frac{1}{2}$ đất bờ vuông nuôi tôm, tọa lạc tại Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích đất trên cơ quan chuyên môn xác định là tại thửa 494 tờ bản đồ 04, anh A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do trước đây bản án phúc thẩm đã tuyên điều chỉnh giảm phần đất diện tích 579,9m² tại thửa số 494 tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh A đứng tên ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh A nên Ủy ban ban nhân dân huyện P đã thu hồi diện tích trên và cấp cho ông B, diện tích 64,2m² tại thửa số 519, diện tích 515,7m² thửa số 522, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông A đứng tên năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông B không đồng ý giao trả phần đất tranh chấp cho anh A, xác định phần đất đường bờ này là đất của ông. Anh A cũng xác định phần đất đường bờ này là của anh A, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh A, có trụ đá làm ranh giới rõ ràng hiện trạng vẫn còn.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc phần đất của ông B và ông T1 (cha của anh A) đều là của ông H1, chia, giao đất cho ông B và ông T1 canh tác sử dụng.

[5] Ông B cho rằng anh em trong gia đình là T2, T3, T4 hiểu biết đất tranh chấp là của ông. Tuy nhiên lời khai của T2, T3, T4 cùng ngày 14/02/2021 (bút lục 363-365) cũng chỉ khai trên cơ sở hiện trạng đất có con kênh cũ, mỗi bên có một cái bờ và xác định con kênh do gia đình anh A cải tạo, khoanh thành đất nuôi tôm nên không còn hiện trạng như ban đầu.

[6] Thực tế từ năm 2001 chia giao đất cho bà C, giáp ranh đất ông B đã có cọc trụ đá phân chia ranh đất, ông B thừa nhận có chứng kiến và biết, (biên bản ngày 18/3/2014 bút lục 59); trụ đá hiện trạng vẫn còn, là ranh giới đất của $\frac{1}{2}$ bờ vuông nuôi tôm.

[7] Mặt khác, rất nhiều nhân chứng tại địa phương xác định phần đất tranh chấp đường bờ vuông nuôi tôm trên là của bà C, sau này bà C cho anh A, đã có trụ đá phân chia ranh đất và hiện trạng trụ đá vẫn còn dùng để làm ranh gồm: K, K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10 (bút lục 71- 79, 349, 352, 356, 448, 481, 482).

[8] Diện tích đất tranh chấp cơ quan chuyên môn xác định anh A được cấp quyền sử dụng tại thửa 494 tờ bản đồ số 04 và có đo đạc thực tế. Hiện nay hai phần đất tranh chấp, cụ thể diện tích 64,2m² tại thửa số 519, tờ bản đồ số 04 và diện tích 515,7m² thửa số 522, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho anh A năm 2015, là do bản án phúc thẩm tuyên điều chỉnh giảm phần đất diện tích đất tranh chấp trên tại thửa số 494 tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh A đứng tên ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh A, nên Ủy ban ban nhân dân huyện P đã thu hồi diện tích trên và cấp cho ông B. Tuy nhiên, bản án này đã bị hủy để xét xử lại.

[9] Do vậy, cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của anh A và buộc ông B có trách nhiệm giao trả phần đất tranh chấp cho anh A là có căn

cứ, cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông B, như đề nghị của Viện kiểm sát và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông B, mà cần giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận như đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh A là phù hợp.

[10] Ngoài ra, ở vụ án này vợ ông B, vợ anh A là bà D, chị A1 được cấp sơ thẩm đưa tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do quyền sử dụng đất là tài sản chung vợ chồng, nhưng chỉ tuyên buộc ông B trả đất cho anh A là thiếu sót, cấp phúc thẩm tuyên bổ sung cho đầy đủ và đảm bảo thi hành án.

[11] Các phần khác giữ nguyên án sơ thẩm.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm ông B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của ông B và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 49/2021/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A đối với ông B, yêu cầu ông B giao trả phần đất diện tích 64,2m² tại thửa số 519, tờ bản đồ số 04 diện tích 515,7m² thửa số 522, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông B năm 2015.

Buộc ông B và bà D giao trả cho anh A và chị A1 (A2) phần đất diện tích 64,2m² tại thửa số 519, tờ bản đồ số 04 và diện tích 515,7m² thửa số 522, tờ bản đồ số 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông B năm 2015, tọa lạc tại Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí cụ thể sau:

* Phần thứ nhất: Diện tích 64,2m², có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp lộ đất có cạnh dài 1,4m
- Hướng Tây giáp kênh Cái Su cạnh dài 1,4m.
- Hướng Nam giáp đất ông B có cạnh dài 19,8m+ 29m
- Hướng Bắc giáp đất anh A có cạnh dài 19,8m+29m.

* Phần thứ hai: Diện tích 515,7m²

- Hướng Đông giáp đất anh A có cạnh dài 2,4m.
- Hướng Tây giáp lộ đất có cạnh dài 2,4m.
- Hướng Nam giáp đất ông B có cạnh dài 253m.
- Hướng Bắc giáp đất anh A có cạnh dài 253m.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu điều chỉnh phần biến động diện tích 64,2m² tại thửa số 519, tờ bản đồ số 04 diện tích 515,7m² thửa số 522, tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông A năm 2015, tọa lạc tại Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Anh A có quyền đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, lệ phí pho tô hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản vẽ trích đo thửa đất tranh chấp, ông B phải chịu số tiền 4.950.000 đồng. Anh A đã dự nộp tạm ứng số tiền 1.450.000 đồng, ông B đã nộp 3.500.000 đồng đã chi hết. Buộc ông B có trách nhiệm giao trả lại anh Tiền 1.450.000 đồng, (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, buộc ông B phải nộp 300.000 đồng. (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Anh A không phải nộp án phí, số tiền 521.900 đồng anh A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, theo Quyết định số 109/QĐ-CCTHA ngày 22/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Án phí dân sự phúc thẩm ông B phải nộp 300.000 đồng. (Ba trăm nghìn đồng), đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001587 ngày 18/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

